TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số:90/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Huỳnh TP
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn VN
2. Bà Nguyễn TU
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hồ QT – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 295/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94 /2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị KT, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện LH, tỉnh VL (có mặt).

Bị đơn: Anh Lê ThT, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện LH, tỉnh VL (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Kiều Thanh trình bày: Nguyên trước đây chị T và anh Lê ThT quen biết nhau, tiến tới hôn nhân, có làm đám cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn ngày 26/6/2002 tại UBND xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên gây chuyện cự cãi và đánh chị T một cách vô cớ. Còn anh T nói do ghen mà đánh là không phải, chị T không làm gì sai, cãi qua lại là anh T đánh. Chị không

chịu đựng nổi nên bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Từ năm 2020 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa.

Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê ThT.

Về con chung: có con chung tên: Lê ThN, sinh ngày 22/3/2002 và Lê Thanh HT, sinh ngày 26/01/2010. Lê TN đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu T, chị T giao anh T nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có trình bày gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê ThT trình bày như sau: Anh Lê ThT thống nhất lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân. Anh T thừa nhận có đánh vợ do ghen tuông và khi gặp trong cách đối xử của chị T. Anh T không đồng ý ly hôn với chị Thanh. Có 02 con chung tên: Lê ThN, sinh ngày 22/3/2002 và Lê ThH T, sinh ngày 26/01/2010. Lê ThN đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh anh T đồng ý nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết;

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không có trình bày gì thêm.

* Tại phiên tòa hôm nay: có mặt các đương sự

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.
- Bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết nhau nguyên đơn, bị đơn đã tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/6/2002 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện LH, tỉnh VL là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của chị Hà Thị KT, xét thấy: chị Th và anh T chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bị đơn thường hay ghen tuông và đánh chị T. Anh T thừa nhận là có đánh vợ do chị T cư xử nên anh T mới ghen tuông. Dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê TN, sinh ngày 22/3/2002 và Lê Thanh HT, sinh ngày 26/01/2010. Hiên nay Nguyễn HT sống chung với anh T. Xét chị Th đồng ý giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng là có căn cứ. Bởi vì hiện nay cháu Th đang sống chung với anh T, ý kiến của cháu Th cũng muốn sống chung với cha. Anh T cũng đồng ý nuôi dưỡng cháu Th vì vậy Tòa án giao con chung cho bị đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con và nguyên đơn không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Còn Lê ThN đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị KT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị KT được ly hôn với anh Lê TT.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Thanh HThg, sinh ngày 26/01/2010, cho anh Lê Thanh Tùng được trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Lê ThN đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hà Thị KT không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Hà Thị Kiều Thanh nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003939 ngày 23/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nghĩa **Nguyễn Thị Út** **Huỳnh Tấn Phong**